TÒA ÁN N DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 99/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 24/6/2020
V/v tranh chấp ly hôn, về nuôi con.

N DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN N DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Anh Thư.

Các Hội thẩm N dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hồng;

2. Ông Võ Lâm Sơn;

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Tấn Kiệt, Thư ký Toà án N dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát N dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thụy Thuỳ Trang, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Toà án N dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 221/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2020 về tranh chấp "ly hôn, về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 179/2020/QĐXX-ST ngày 19 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc P, sinh năm 1983; địa chỉ: ấp A, xã H, huyện M, tỉnh An Giang (Có mặt).

2. Bị đơn: Anh Trương Thanh T, sinh năm 1986; địa chỉ: số 120, tổ 4, ấp A, xã H, huyện M, tỉnh An Giang (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai, quá trình làm việc nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc P trình bày: Chị và anh Trương Thanh T tự tìm hiểu, tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau vào năm 2006, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Vợ chồng sống hạnh phúc đến cuối năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên N do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không hợp tính tình nên thường cãi nhau dẫn đến mâu thuẫn ngày càng nhiều và không còn chung sống từ đó đến nay. Từ khi không còn chung sống, vợ chồng không tới lui thăm nhau, không hàn gắn tình cảm. Nay, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống

chung không thể kéo dài, chị yêu cầu được ly hôn với anh Trương Thanh T. Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 02 con chung tên Trương Thanh N, sinh ngày 31/7/2009 và Trương Quốc N1, sinh ngày 01/5/2011 (hiện do anh T chăm sóc, nuôi dưỡng). Khi ly hôn, chị đồng ý để anh T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung, chị không cấp dưỡng nuôi 02 con chung. Về quan hệ tài sản chung: Không có. Về quan hệ nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, chị P giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn anh Trương Thanh T được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh T vẫn vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến và không hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng. Về ý kiến giải quyết: Về hôn N: Về hôn nhân: chị Nguyễn Thị Ngọc P và anh Trương Thanh T kết hôn năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban N dân xã H, huyện Chợ Mới ngày 23/5/2007, là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận, bảo vệ. Vợ chồng sống hạnh phúc đến cuối năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, anh T không quan T đến gia đình và ly thân đến nay. Nay, nhận thấy tình cảm không còn, chị P yêu cầu ly hôn với anh T, anh T không có ý kiến phản hồi và không tạo điều kiện cho nhau để hàn gắn hạnh phục vợ chồng, mục đích hôn N không đạt được, nên việc chị P yêu cầu xin ly hôn với anh T là phù hợp Điều 56 Luật hôn N và gia đình. Về con chung: Có 02 con chung tên Trương Thanh N, sinh ngày 31/7/2009 và Trương Quốc N1, sinh ngày 01/5/2011. Hiện cháu N và cháu N1 do anh T chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị P đồng ý để anh T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N và cháu N1, chị P không cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, từ khi ly thân cho đến nay, cháu N và cháu N1 sống với anh T vẫn phát triển bình thường về thể chất và tinh thần. Tòa án đã tiến hành đến địa phương để ghi nhận ý kiến của cháu N và cháu N1 nhưng 02 cháu không có mặt tại địa phương. Cháu N và cháu N1 hiện do anh T chăm sóc, nuôi dưỡng, chị P đồng ý để anh T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N và cháu N1, nên tiếp tục giao cháu N và cháu N1 cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng. Do anh T không yêu cầu cấp dưỡng nên không đề cập đến. Về tài sản chung, nợ chung: không có, nên không đề cập giải quyết.

Từ những phân tích nêu trên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn N và gia đình năm 2014, xem xét quyết định:

- Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Ngọc P đối với anh Trương Thanh T.

- Anh Trương Thanh T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung tên Trương Thanh N, sinh ngày 31/7/2009 và Trương Quốc N1, sinh ngày 01/5/2011, chị Nguyễn Thị Ngọc P không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Nguyễn Thị Ngọc P yêu cầu ly hôn với anh Trương Thanh T, bị đơn có nơi cư trú ấp A, xã H, huyện M, tỉnh An Giang nên Tòa án N dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bị đơn anh T được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 để tham gia phiên tòa, nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là có căn cứ.

[3] Chị Nguyễn Thị Ngọc P yêu cầu ly hôn với anh Trương Thanh T. Chị P và anh T có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên quan hệ hôn N giữa hai người được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Theo chị P trình bày, vợ chồng sống hạnh phúc đến cuối năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính tình không phù hợp nên thường cãi nhau và không còn chung sống từ đó đến nay. Nhận thấy, tình cảm không còn, chị yêu cầu ly hôn với anh T. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án về việc chị P yêu cầu ly hôn và triệu tập anh T tham gia các phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa, nhưng anh T vẫn vắng mặt và không có ý kiến phản đối yêu cầu ly hôn của chị P. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa chị P và anh T đã diễn ra trong thời gian dài, nguyên N do bất đồng quan điểm nên thường cãi nhau, dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày mâu thuẫn nhiều hơn và không còn chung sống từ cuối năm 2017 đến nay. Trong thời gian này, hai bên cũng không tạo điều kiện cho nhau hàn gắn tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu chung sống với nhau cũng không hạnh phúc. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị P là phù hợp theo quy định pháp luật.

[4] Về quan hệ con chung: Chị P xác định, trong thời gian chung sống, chị và anh T có 02 con chung tên Trương Thanh N, sinh ngày 31/7/2009 và Trương Quốc N1, sinh ngày 01/5/2011 (hiện do anh T chăm sóc, nuôi dưỡng). Khi ly hôn, chị đồng ý để anh T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung. Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi vợ chồng không còn sống chung với nhau, các cháu N và N1 do anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng nên T tư tình cảm của các cháu gắn liền với người nuôi dưỡng và trong quá trình giải quyết anh T cũng không có ý kiến phản đối yêu cầu này của chị P. Bên cạnh đó, Tòa án triệu tập anh T đến Tòa án dẫn cháu N và N1 đi cùng để Tòa án ghi nhận ý kiến của các cháu, nhưng anh T và cháu N, cháu N1 vẫn vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của các cháu và chị P cũng đồng ý để anh T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung. Do đó, để anh T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N và cháu N1 là phù hợp với pháp luật.

[5] Đối với cấp dưỡng nuôi con chung: Do anh T không có yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[6] Về quan hệ tài sản chung: Chị P trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[7] Về quan hệ nợ chung: Chị P trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[8] Án phí hôn N sơ thẩm: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: - Các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Các Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc P đối với anh Trương Thanh T.

- Về quan hệ hôn N: Chị Nguyễn Thị Ngọc P được ly hôn với anh Trương Thanh T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 69, ngày 23 tháng 5 năm 2007 do Ủy ban N dân xã H, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp cho chị Nguyễn Thị Ngọc P và anh Trương Thanh T không còn giá trị pháp lý.

- Về quan hệ con chung: Anh Trương Thanh T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung tên Trương Thanh N, sinh ngày 31/7/2009 và Trương Quốc N1, sinh ngày 01/5/2011 (hiện do anh T chăm sóc, nuôi dưỡng). Chị Nguyễn Thị Ngọc P không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Trương Thanh T cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở chị Nguyễn Thị Ngọc P trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

- Về quan hệ tài sản chung: Không có.

- Về quan hệ nợ chung: Không có. Ghi nhận việc chị Nguyễn Thị Ngọc P xác định không có nợ chung trong thời kỳ hôn N, nhưng sau khi quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có người khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng

minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn N, thì chị Nguyễn Thị Ngọc P và anh Trương Thanh T phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

- Về án phí hôn N và gia đình sơ thẩm: 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, chị Nguyễn Thị Ngọc P phải chịu, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, theo biên lai thu số 0008151 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp ngày 02/3/2020. Chị P đã nộp đủ án phí.

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND H. Chợ Mới;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS H. Chợ Mới;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Anh Thư